

Biểu 2
KẾT QUẢ THỰC HIỆN CHỈ THỊ SỐ 25/CT-UBND NGÀY 27/12/2023 CỦA UBND CÁC HUYỆN, THỊ XÃ, THÀNH PHỐ
THÁNG 4/2025

(Kèm theo Báo cáo số: /BC-VPUBND ngày / 5/2025 của Văn phòng UBND tỉnh Đắk Lắk)

STT	Tên đơn vị, địa phương	Tổng số hồ sơ đã tiếp nhận trong tháng			Số hồ sơ đã giải quyết trong tháng										Số hồ sơ còn tồn chưa giải quyết			Lũy kế hồ sơ đã giải quyết từ đầu năm					
		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Giải quyết trước, đúng hạn	Giải quyết quá hạn	Số văn bản xin lỗi					Công khai số văn bản xin lỗi lên hệ thống thông tin giải quyết TTTC (iGate)	Số văn bản xin lỗi đã niêm yết tại bộ phận một cửa	Tổng số	Trong đó		Tổng số	Giải quyết trước, đúng hạn	Giải quyết quá hạn	Số văn bản xin lỗi	Công khai số văn bản xin lỗi lên hệ thống thông tin giải quyết TTTC (iGate)	Số văn bản xin lỗi đã niêm yết tại bộ phận một cửa
			Số hồ sơ chưa giải quyết của tháng trước chuyển qua	Tổng số hồ sơ tiếp nhận mới trong tháng				Tổng số	Do giải quyết quá hạn	Do tiếp nhận thành phần hồ sơ không đủ	Do hồ sơ bị mất, thất lạc hoặc hư hỏng	Do sai sót trong kết quả giải quyết											
(1)	(2)	(3)=(4)+(5) (3)=(6)+(16)	(4)	(5)	(6)=(7)+(8)	(7)	(8)	(9)=(10)+ (11)+ (12)+ (13)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)=(17)+ (18)	(17)	(18)	(19)=(20)+ (21)	(20)	(21)	(22)	(23)	(24)
1	UBND Thành phố Buôn Ma Thuột	3,002	1108	1894	1,671	1,564	107	107	107	0	0	0	107	107	1,331	1331	0	4,737	4565	172	172	172	172
2	UBND Thị xã Buôn Hồ	786	356	430	285	285	0	0	0	0	0	0	0	0	501	501	0	987	987	0	0	0	0
3	UBND huyện Krông Ana	285	124	161	95	88	7	0	0	0	0	0	0	0	190	169	21	363	346	17	0	0	0
4	UBND huyện Krông Năng	1,031	413	618	415	414	1	1	1	0	0	0	1	1	616	616	0	1,044	1028	16	16	16	16
5	UBND huyện Krông Buk	506	150	356	303	283	20	20	20	0	0	0	20	20	203	171	32	755	697	58	58	58	58
6	UBND huyện Cư Mgar	713	246	467	307	277	30	56	26	0	0	30	30	30	406	323	83	925	856	69	69	69	69
7	UBND huyện Cư Kuin	211	0	211	1	1	0	0	0	0	0	0	2	0	0	0	0	748	674	74	74	74	74
8	UBND huyện Ea Súp	158	72	86	100	68	32	0	0	0	0	0	2	0	58	37	21	465	417	48	0	0	0
9	UBND huyện Lắk	217	93	124	94	74	20	20	20	0	0	0	20	20	123	114	9	265	230	35	35	35	35
10	UBND huyện Ea Hlêo	436	34	402	93	93	0	2	2	0	0	0	2	0	239	223	16	495	493	2	0	0	0
11	UBND huyện Ea Kar	939	335	604	444	378	66	66	66	0	0	0	66	66	495	450	45	1,151	1066	85	85	85	85
12	UBND huyện M Đrăk	121	0	121	121	121	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	543	543	0	0	0	0
10	UBND huyện Krông Pắc	901	420	481	268	268	0	0	0	0	0	0	0	0	501	456	0	959	959	0	0	0	0
14	UBND huyện Krông Bông	669	480	189	565	537	28	28	28	0	0	0	28	28	104	104	0	1,044	1013	31	31	31	31
15	UBND huyện Buôn Đôn	173	47	126	84	80	4	2	2	0	0	0	2	2	89	89	0	299	294	5	3	3	3
	Tổng cộng	10,148	3,878	6,270	4,846	4,531	315	302	272	0	0	30	280	274	4,856	4,584	227	14,780	14,168	612	543	543	543